**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần: Quản trị dự án**

**Mã số: PRM331**

**Số tín chỉ: 3**

**Khoa: Quản trị Kinh doanh**

**Bộ môn phụ trách: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

**Thái Nguyên - 2022**

**Thái Nguyên, 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD**KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH****Bộ môn phụ trách: Logistics&QLCCU**  |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: QUẢN TRỊ DỰ ÁN Mã học phần: PRM331**

**2. Tên Tiếng Anh: Project Management;**

**3. Số tín chỉ:** **3** **tín chỉ (36/18/108)** (36 GTC lý thuyết, 18GTC thực hành/thảo luận, 108GTC tự học)

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

 Học phần tiên quyết: Không

 Học phần học trước:

 Khác:

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **E-mail** | **Ghi chú** |
| 1 | TS. Phạm Thị Thanh Mai | 0912.804.979 | maiptt@tueba.edu.vn |  |
| 2 | ThS Đồng Văn Đạt | 0912.580.135 | dongvandat@tueba.edu.vn |  |
| 3 | ThS Dương Thị Thúy Hương | 0915.969.009 | duonghuongqtkd@tueba.edu.vn |  |
| 4 | TS. Phạm Thị Minh Nguyệt | 0988.302.698 | ptmnguyet@tueba.edu.vn  |  |
| 5 | ThS Đoàn Huyền Trang | 0982.411.366 | doanhuyentrang@tueba.edu.vn  |  |

**6. Mô tả học phần**

Học phần Quản trị dự án thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của CTĐT Quản trị Kinh doanh và tự chọn trong một số CTĐT khác nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về dự án, các nội dung chuyên sâu của công tác quản trị dự án như: Công tác lập kế hoạch, soạn thảo dự án, phân tích, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội dự án, công tác thẩm định, tổ chức quản trị thời gian, tiến độ, phân phối các nguồn lực, kiểm soát và quản trị rủi ro dự án. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng đầu tư, lập và phân tích dự án, tổ chức điều phối hoạt động dự án và đưa ra phương án xử lý, ra quyết định trong quá trình tổ chức thực hiện dự án.

**7. Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả*****Học phần này trang bị cho sinh viên:*** | **Chuẩn đầu ra****CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CO1** | Kiến thức cơ bản về dự án, quản trị dự án để vận dụng vào lĩnh vực kinh doanh. Kiến thức chuyên môn về công tác lập kế hoạch, soạn thảo dự án; phân tích, đánh giá hiệu quả kỹ thuật, tài chính, kinh tế - xã hội dự án; công tác thẩm định, tổ chức quản trị thời gian, tiến độ, kiểm soát và quản trị rủi ro dự án. | 1.4; 1.5 CTĐT QTKD1.4; 1.5 CTĐT Logistics & QLCCU | 3 |
| **CO2** | Kỹ năng lựa chọn ý tưởng đầu tư, lập kế hoạch và soạn thảo dự án; kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm; kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu; kỹ năng lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề. | 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 CTĐT QTKD 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 CTĐT Logistics & QLCCU | 4 |
| **CO3** | Ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; khả năng chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới, phân tích, đánh giá và kết luận vấn đề chuyên môn. | 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 CTĐT QTKD; 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 CTĐT Logistics & QLCCU | 3 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả***Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CLO1** | Khái quát hóa được các vấn đề cơ bản về dự án và quản trị dự án, các nội dung cơ bản của phân tích kỹ thuật, phân tích tài chính, phân tích kinh tế - xã hội, thẩm định và kiểm soát dự án | 1.4, 1.5 CTĐT QTKD; 1.4, 1.5 CTĐT Logistics & QLCCU | 2 |
| **CLO2** | Vận dụng để lập được kế hoạch dự án, tính toán được một số chỉ tiêu cơ bản trong phân tích tài chính, kinh tế - xã hội, quản lý thời gian, tiến độ và rủi ro dự án | 1.4, 1.5 CTĐT QTKD; 1.4, 1.5 CTĐT Logistics & QLCCU | 3 |
| **CLO3** | Phân tích, đánh giá được hiệu quả dự án | 1.4, 1.5 CTĐT QTKD; 1.4, 1.5 CTĐT Logistics & QLCCU | 4 |
| **CLO4** | Làm chủ trong việc lựa chọn ý tưởng đầu tư và lập kế hoạch dự án; Phối hợp được các kỹ năng trong giao tiếp, thuyết trình, quản lý thời gian, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, phát hiện và giải quyết vấn đề. | 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 CTĐT QTKD 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 CTĐT Logistics & QLCCU | 4 |
| **CLO5** | Tích cực trong các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, tôn trọng kỷ luật; chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới; thuyết phục trong phân tích và kết luận vấn đề chuyên môn . | 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 CTĐT QTKD3.1, 3.2, 3.3, 3.4 CTĐT Logistics & QLCCU | 3 |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | **CĐR học phần** |
| ***Sáng tạo*** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO 5 |
| ***Thực tiễn*** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 |
| ***Hội nhập*** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT QTKD, CTĐT Logistics và QLCCU** |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **2.6** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  |  |  | R | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | R | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | R | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | R | R | R | R |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R | R | R |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

 - Hoàn thành các bài tập được giao.

 - Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

- Thực hành phân tích dự án trên excel (dự án đã có, nhóm sưu tầm và dự án nhóm xây dựng);

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành: Thiết lập được các bảng phân tích có một liên hệ với nhau và sử dụng thành thạo các công thức phân tích hiệu quả tài chính dự án trên excel.

***9.3. Phần khác****: Bài tập nhóm*

- Tên bài tập nhóm: Xây dựng ý tưởng, lập và phân tích dự án;

- Yêu cầu cần đạt: Đầy đủ nội dung các bước lập dự án theo đề cương; hiểu, vận dụng lý thuyết để phân tích, đánh giá được hiệu quả dự án, đảm bảo tổ chức thực hiện dự án hiệu quả, khả thi.

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính:*

1. Phạm Thị Thanh Mai, Phạm Văn Hạnh, Đồng Văn Đạt (2016), *Giáo trình* *Quản trị dự án,* NXB Công Thương, 2016.

***-*** *Tài liệu tham khảo:*

1. Nguyễn Văn Chung, Hoàng Cao Cường, Bùi Minh Lý (2010), Quản trị dự án, NXB Lao động 2010.

2. Nguyễn Trường Sơn (2009), Quản trị dự án, NXB Thống kê, 2009.

3. ThS. Đinh Thế Hiển (2008), Lập và Thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư, NXB Thống kê, 2008.

4. Trịnh Thùy Anh (2011), Quản trị dự án đầu tư, NXB Thống kê, 2011.

5. TS. Từ Quang Phương (2014), Giáo trình Quản lý dự án, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2014.

**11. Phương pháp giảng dạy - học tập**

 ***- Phương pháp giảng dạy - học tập của học phần***

Các phương pháp giảng dạy - học tập chính của học phần Quản trị dự án bao gồm: Chiến lược dạy học trực tiếp, chiến lược dạy học gián tiếp, dạy học tương tác và tự học, cụ thể như sau:

**I. Chiến lược dạy học trực tiếp**

1. Thuyết trình: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

2. Giải thích cụ thể: Giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

**II. Chiến lược dạy học gián tiếp**

3. Câu hỏi gợi mở: Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

4. Giải quyết vấn đề: Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

**III. Dạy học tương tác**

5. Tranh luận: Giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

6. Thảo luận: Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

7. Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

**IV.Tự học**

8. Bài tập ở nhà: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

**Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp giảng dạy - học tập**

| **Các CĐR của học phần** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp giảng dạy - học tập** |
| --- | --- | --- |
| Thuyết trình | Giải thích cụ thể | Câu hỏi gợi mở | Giải quyết vấn đề | Tranh luận | Thảo luận | Học nhóm | Bài tập ở nhà |
| CLO1 | 2 | x | x | x |   |   |   |   |   |
| CLO2 | 3 | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | 4 | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | 4 |  | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | 3 |  |  | x | x | x | x | x | x |

**12. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy***(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp giảng dạy, học tập**  *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá***(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)* |
| 1-2 | Giới thiệu chung về môn học.- Làm quen với môn học- Ý nghĩa của môn học trong thực tiễn- Giới thiệu đề cương môn học | CLO1CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (2); 2.4, 3.1, 3.2 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (2); 2.4, 3.1, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Thuyết giảng | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 3-5 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** **Chương 1: Tổng quan về dự án và Quản trị dự án****1.1 Tổng quan về dự án** 1.1.1 Khái niệm, đặc điểm 1.1.2 Yêu cầu của một dự án 1.1.3 Mục đích và công dụng của dự án 1.1.4 Nội dung chủ yếu của dự án 1.1.5 Phân loại dự án1.1.6 Chu kỳ của dự án **1.2 Tổng quan về Quản trị dự án** 1.2.1 Khái niệm Quản trị dự án1.2.2 Các tiến trình quản trị dự án1.2.3 Nhà quản trị dự án1.2.4 Các lĩnh vực của quản trị dự án | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm  |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 1 được giao+ Chuẩn bị các nội dung của chương 2 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 6-8 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** **Chương 2: Lập kế hoạch dự án****2.1 Giới thiệu về dự án**2.1.1 Giới thiệu tóm lược về dự án2.1.2 Giới thiệu ngành nghề kinh doanh của dự án 2.1.3 Thị trường và sản phẩm của dự án2.1.4 Công nghệ và kỹ thuật của dự án2.1.5 Phân tích tài chính dự án2.1.6 Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án2.1.7 Tổ chức và quản trị dự án2.1.8 Quản trị rủi ro dự án2.1.9 Các khái luận và kiến nghị | CLO1CLO2CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 9-11 | **Chương 2: Lập kế hoạch dự án****2.2 Mục đích, yêu cầu, căn cứ xây dựng dự án**2.2.1 Mục đích của việc xây dựng dự án2.2.2 Các yêu cầu của việc xây dựng dự án2.2.3 Các căn cứ xây dựng dự án2.2.4 Các phương pháp xây dựng dự án**2.3 Trình tự xây dựng dự án**2.3.1 Chuẩn bị lập dự án2.3.2 Tiến hành soạn thảo dự án2.3.3 Hoàn thành dự án và phê duyệt | CLO1CLO2CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3);2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3);2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Sưu tầm dự án thực tế tham khảo+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 2 được giao, chuẩn bị đề cương chi tiết dự án cho bài tập nhóm+ Chuẩn bị các nội dung của chương 3 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 12-14 | **Chương 2: Lập kế hoạch dự án**Báo cáo các dự án, phương án kinh doanh mẫu đã hoặc đang được thực hiện (các bước soạn thảo và nội dung chính của dự án)Lập kế hoạch dự án từ ý tưởng kinh doanh của nhóm | CLO1CLO2CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2, 2.3, 3.1, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 15-16 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** **Chương 3: Phân tích kỹ thuật dự án** **3.1 Mục đích của phân tích kỹ thuật****3.2 Nội dung của phân tích kỹ thuật** | CLO1CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.2 (3), 2.3(4), 3.1, 3.2 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 3 được giao, chuẩn bị đề cương chi tiết dự án cho bài tập nhóm+Chuẩn bị các nội dung của chương 4 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 17-19 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** **Chương 4 : Phân tích tài chính dự án** 4.1 Mục đích của Phân tích tài chính 4.3 PTTC dự án bằng phương pháp hiện giá4.3.1 Giá trị thời gian của tiền4.3.2 Công thức tính chuyển giá trị thời gian của tiền | CLO1CLO2CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4 3.2 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 20-22 | 4.3.3 Phương pháp xác định tỉ suất chiết khấu và chọn thời điểm tính toán4.3.4 Nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư. (Chỉ tiêu thu nhập thuần, B/C, Thời gian hoàn vốn, IRR) | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3);2.2 (3), 2.3 (4), 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3);2.2 (3), 2.3 (4), 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 23-25 | Bài tập tổng hợpSo sánh lựa chọn phương án đầu tư | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Bài tập, Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 26-28 | Các tình huống thực tế và ra quyết định đầu tưBáo cáo tài chính dự án thực tế, dự án nhóm xây dựng | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 4 được giao, chuẩn bị và thực hành nội dung phân tích tài chính dự án trên excel cho bài tập nhóm+Chuẩn bị các nội dung của chương 5 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 29-30 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** **Chương 5 : Phân tích kinh tế - xã hội dự án** **5.1 Mục đích của phân tích kinh tế đối với dự án****5.2 Nội dung của phân tích kinh tế dự án** | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.4 (3), 3.3 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.4 (3), 3.3 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 31-32 | **Chương 5 : Phân tích kinh tế - xã hội dự án** Các nhóm báo cáo nội dung phân tích kinh tế - xã hội dự án tham khảo, dự án nhóm xây dựng | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.2, 2.4 (3), 3.1, 3.3 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.2, 2.4 (3), 3.1, 3.3 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 5 được giao, chuẩn bị nội dung phân tích kinh tế xã hội dự án cho bài tập nhóm+Chuẩn bị các nội dung của chương 6 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 33-35 | **Kiểm tra giữa kỳ** | CLO1CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4 (3), 2.5, 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4 (3), 2.5, 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Kiểm tra | Trắc nghiệm |
| 36-37 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:** **Chương 6: Thẩm định dự án****6.1 Cơ sở pháp lý của việc thẩm định dự án****6.2 Phương pháp thẩm định dự án** | CLO1CLO2CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.4 (3), 3.3 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.4 (3), 3.3 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 6 được giao+Chuẩn bị các nội dung của chương 7 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 38-41 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:****Chương 7: Tổ chức quản trị thời gian và tiến độ dự án****7.1 Lập kế hoạch, tiến độ bằng phương pháp PERT**7.1.1 Xây dựng sơ đồ mạng PERT7.1.2 Phương pháp PERT trong trường hợp thời gian biến động | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 42-44 | **Chương 7: Tổ chức quản trị thời gian và tiến độ dự án**7.1.3 Quan hệ giữa thời gian và chi phí trong phương pháp PERT **7.2 Lập kế hoạch, tiến độ bằng phương pháp biểu đồ GANTT** | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 45-47 | **Điều chỉnh 1 và điều chỉnh 2** | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Bài tập | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 7 được giao+ Chuẩn bị các nội dung của chương 8 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 48-49 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:****Ôn tập Chương 7** | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.4 2.5, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Thuyết giảng và Bài tập | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
|  | **Nội dung tự nghiên cứu:****Chương 8: Tổ chức phân phối các nguồn lực dự án**8.1 Biểu đồ phụ tải nguồn lực8.2 Điều chỉnh nguồn lực8.3 Kế hoạch sắp xếp lao động | CLO5 | - CĐR 3.1, 3.2 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 3.1, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
| 50-51 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:****Chương 9: Quản trị rủi ro dự án**9.1 Khái niệm và phân loại rủi ro9.2 Nội dung quản trị rủi ro dự án9.3 Phương pháp phân tích, đo lường rủi ro | CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 3.3 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 3.3 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 9 được giao+ Chuẩn bị các nội dung của chương 10+ Chuẩn bị các nội dung ôn tập môn học từ chương 1-chương 9 | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |
| 52-54 | **A/ Các nội dung ở trên lớp:****Chương 10: Kiểm soát dự án** 10.1 Khái niệm, vai trò, mục đích của kiểm soát dự án10.2 Phương pháp kiểm soát dự án10.3 Hệ thống kiểm soát dự án10.4 Quá trình kiểm soát dự án10.5 Nội dung kiểm soát dự án | CLO1CLO2CLO4CLO5 | - CĐR 1.4 (3); 2.4, 2.5, 3.4 (3) CTĐT QTKD; - CĐR 1.4 (3); 2.4, 2.5, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thảo luận, học nhóm | Trắc nghiệm, Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Ôn tập môn học từ chương 1- chương 10  | Bài tập ở nhà | Kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong học phần Quản trị dự án được chia thành 3 loại chính là: đánh giá theo tiến trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

**\* Đánh giá tiến trình:**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập nhóm và kiểm tra thường xuyên.

**\* Đánh giá giữa kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm giữa học kỳ. Phương pháp đánh giá giữa học kỳ là bài tập lớn nhóm (20%) kết hợp bài thi trắc nghiệm (80%).

**\* Đánh giá cuối kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá cuối kỳ sử dụng là trắc nghiệm trên giấy.

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Đánh giá tiến trình (30%)** | **Đánh giá Giữa kỳ (20%)** | **Đánh giá Cuối kỳ (50%)** |
| CLO1 | 2 | x | x | x |
| CLO2 | 3 | x | x | x |
| CLO3 | 4 | x | x | x |
| CLO4 | 4 | x | x | x |
| CLO5 | 3 | x |   |  |

**Tiêu chí đánh giá 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng số** |
| --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(5.5-6.9)** | **(7.0-8.4)** | **(8.5-8.9)** | **(9,0-10,0)** |
| **Số tiết**  | Đi học(<80%) | Đi học (<81-85%) | Đi học ít chuyên cần(86-90%) | Đi học chuyên cần(91-95%) | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần(96-100%) | **60%** |
| **Đóng góp tại lớp** | Không tham gia hoạt động nào tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.Đóng góp không hiệu quả. |  Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |

**Tiêu chí đánh giá 2: Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng số** |
| --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10,0)** |
| Làm việc nhóm | Không xác định nhiệm vụ và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Không tổ chức làm việc nhóm.Không nộp bài tập nhóm  | Xác định nhiệm vụ không rõ ràng và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Hiếm khi làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm muộn | Xác định nhiệm vụ khá rõ ràng đánh giá khá chính xác cho các thành viên. Thỉnh thoảng làm việc nhóm.Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên và tích cực làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập. | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Còn một số sai sót trong nội dung. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình rất tốt theo yêu cầu. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 3: Bài tập cá nhân**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng** **số** |
| --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10.0)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp bài tập đạt 70% khối lượng được giao. Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Đúng thời gian quy định | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 4: Kiểm tra trắc nghiệm**

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

 Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

 Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

| **Hình thức kiểm tra/đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|
|
| Chuyên cần | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5  | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2, 3.4 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 3.1, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | **5** |
| Bài tập nhóm/ Thảo luận nhóm | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | CLO2 CLO3 CLO4 CLO5  | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.5 3.1, 3.3 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.5 3.1, 3.2, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | **5** |
| Bài tập cá nhân  | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | CLO2 CLO3 CLO4 CLO5  | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4, 2.5 3.2, 3.3 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4, 2.5 3.2, 3.3 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | **5** |
| Kiểm tra thường xuyên  | Chương 1,2,3 | Tiết 20 | CLO1CLO2  | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4, 3.1, 3.2, 3.3 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4 3.1, 3.2 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Trắc nghiệm | Đề kiểm tra | 5 |
| Chương 4,5,6 | Tiết 45 | CLO2CLO3CLO4 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4, 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Trắc nghiệm | Đề kiểm tra | 5 |
| Chương 7,8,9 | Tiết 52 | CLO1CLO2CLO4 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4, 2.5, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4, 2.5, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Trắc nghiệm | Đề kiểm tra | 5 |
| Kiểm tra giữa học phần | Chương 1,2,3,4,5 | Tiết 33, 34, 35 | CLO1CLO2CLO3CLO4CLO5 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4 (3), 2.5, 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.2 (3), 2.3 (4), 2.4 (3), 2.5, 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Trắc nghiệm trên giấy (80%); Bài tập nhóm (20%) | Đề kiểm tra, Bài tâp nhóm | 20 |
| Thi kết thúc học phần | Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học. | Theo KH của phòng ĐT | CLO1CLO2CLO3CLO4 | - CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4, 2.5 (3), 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT QTKD;- CĐR 1.4, 1.5 (3); 2.3 (4), 2.4, 2.5 (3), 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 (3) CTĐT Logistics & QLCCU | Trắc nghiệm trên giấy | Đề thi | 50 |
| Thời gian làm bài 50 phút *(Được hoặc không được sử dụng tài liệu).* |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** |
| **Chuyên cần**  | **Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**  | **Bài tập cá nhân**  | **Bài kiểm tra TX**  | **Đánh giá Giữa kỳ**  | **Đánh giá Cuối kỳ**  | **Câu hỏi** | **Bài tập** | **Điểm số**  |
| CLO1 | x | x |   | x | x | x | x |   | x |
| CLO2 | x | x | x | x | x |  x | x | x | x |
| CLO3 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | x | x | x |   | x |   | x | x |  |

**14. Các yêu cầu đối với sinh viên**

Các bài tập và câu hỏi ở nhà phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình.

**15. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**16. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  | **Phạm Văn Hạnh** | **Phạm Thị Thanh Mai** | **Phạm Thị Thanh Mai** |

**17. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |